

## CHƯƠNG 1

# GIỚI THIỆU LỊCH SỬ Y HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

### Bài 1

## LỊCH SỬ Y HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

### MỤC TIÊU

Sau khi học xong bài này học sinh phải:

1. Nêu lên được những bước phát triển của Y học Việt Nam qua mỗi thời kỳ và mỗi triều đại về mặt học thuật và lý luận.
2. Liệt kê được những tác phẩm y học mang đậm bản sắc Y học cổ truyền Việt Nam.

Để phục vụ cho mục đích học tập, bài giảng này gồm 3 nội dung như sau:

- Y học cổ truyền Việt Nam thời Cổ đại (từ đầu thế kỷ I - thế kỷ III sau công nguyên (CN)).
- Y học cổ truyền Việt Nam thời Trung đại (từ thế kỷ III - thế kỷ thứ XVII sau CN).
- Y học cổ truyền Việt Nam thời Cận đại (từ thế kỷ XVII - thế kỷ XX sau CN).

### 1. THỜI CỔ ĐẠI (TỪ ĐẦU THẾ KỶ I – THẾ KỶ III SAU CNT)

Chỉ được ghi nhận dưới hình thức kinh nghiệm và có lẽ do sống trong khu vực nhiệt đới gió mùa, dễ mắc các bệnh sốt rét, bệnh thời khí và bệnh nhiễm trùng đường ruột nên người Việt cổ có nhiều kinh nghiệm trong việc sử dụng thuốc dưới dạng các thức ăn uống và trong sinh hoạt như: trầu, cau, gừng, hành, tỏi, ớt, riềng, ý dĩ, vôi, chè xanh, chè vằng và biết phòng sâu răng bằng tập tục nhuộm răng đen.

### 2. THỜI TRUNG ĐẠI (THẾ KỶ III - THẾ KỶ XVII SAU CN)

Dân tộc Việt Nam bước vào thời kỳ Trung đại dưới nền đô hộ của các triều đại Hán - Nguy - Tấn - Tống - Tề - Lương - Tuỳ - Đường (179 tr. CN - 938 sau CN). Dưới ách đô hộ này, có lẽ người Việt Nam thuộc tầng lớp trên đã được giới thiệu một nền y học kinh điển thông qua các thầy thuốc đến từ Trung Quốc như Đổng Phụng (187 - 226), Lâm Thắng (479 - 501).

Trong giai đoạn này, một số dược liệu của Việt Nam đã được ghi vào Dược điển của Trung Quốc như:

- Ý dĩ, Sắn dây (**Danh Y biệt lục**).
- Đậu khấu (**Hải Nam bản thảo** - đời Đường).
- Sứ quân tử (**Bản thảo khai bảo** - đời Tống).
- Sả (**Bản thảo thập di**).
- Trầu, Cau (**Tô cung bản thảo**).
- Hương bài, Khổ qua, Bí ngô, Lười ươi (**Bản thảo cương mục**).

## 2.1. Thời nhà Ngô - Đinh - Lê - Lý (938 - 1224)

Nền y học Việt Nam, ngoài tính chất kinh nghiệm còn mang thêm tính chất tôn giáo do Đạo giáo và Phật giáo phát triển mạnh mẽ dưới các triều đại này. Điển hình là năm 1136, thầy thuốc Nguyễn Minh Không chữa bệnh điên cho vua Lý Thần Tông bằng bùa chú.

## 2.2. Thời nhà Trần - Hồ - Hậu Lê (1225 - 1788)

Từ thời nhà Trần trôi đi, Nho giáo phát triển mạnh, trong đó có Chu Văn An và Trương Hán Siêu là hai người khởi xướng phong trào chống mê tín dị đoan trong cả nước và chính lúc ấy nền y học Việt Nam mới có điều kiện vươn lên.

Song cũng vì sự gắn bó quá chặt chẽ về mặt văn hóa tư tưởng với Trung Quốc nên nền y học Việt Nam cũng chỉ phát triển trên nền tảng lý luận Trung y. Do đó, trong suốt thời kỳ này các danh nhân y học Việt Nam cũng chỉ để lại cho hậu thế những trước tác như:

- **Châm cứu tiệp hiệu diên ca** của Nguyễn Đại Năng (đời nhà Hồ) trong đó có bổ sung thêm huyệt Nhũ ánh, Bối lam chữa sốt rét; **Trực cốt** chữa hú lao; **Quân dân**, **Phục nguyên** chữa động kinh.
- **Bảo anh lương phương** của Nguyễn Trực (1455) với kinh nghiệm chữa sỏi và đậu mùa.
- **Y học yếu giải tập chú di biên** của Chu Doãn Văn (1466) bàn về thuỷ hoả và ngoại cảm.
- **Nhân khoa yếu lược** của Lê Đức Vọng (đời Lê) bàn về phép chữa các chứng đau mắt, đặc biệt là đau mắt hột và lông quăm.
- **Bảo sinh diên thọ toàn yếu** của Đào Công Chính (1676) bàn về các phương pháp vệ sinh thể chất và tâm thần.
- **Tạ Thị chuẩn đích y ước** của Tạ Chất Phác (đời Lê) bàn về cách sử dụng các phương thuốc chữa bệnh Nội - Nhi - Sản.

Đặc biệt dưới thời nhà Trần, trong lúc triều đình và giới quan lại quyền quý sinh dùng thuốc Bắc thì một thầy thuốc là Tuệ Tĩnh với tinh thần độc lập tự chủ đã đề xướng lên quan điểm “Nam dược trị Nam nhân” qua tác phẩm **Nam dược thần hiệu** (được bổ sung và in lại năm 1761).

Tuy nhiên, phải đến thời Hậu Lê, thì toàn bộ những lý luận, học thuật của Trung Quốc và Việt Nam mới được tổng kết ở mức độ uyên thâm nhất qua tác phẩm **Hải Thượng Y Tôn Tâm linh** của Lê Hữu Trác (1720 - 1791).

Trong các triều đại trước, nhà cầm quyền chỉ quan tâm đến việc phục vụ sức khoẻ cho vua, quan và quân đội, còn việc chăm lo sức khoẻ của nhân dân lao động thì mặc cho tư nhân hoặc các tổ chức tôn giáo phụ trách. Chỉ đến thời nhà Hồ (1400 – 1406), Hồ Hán Thương mới lập Quảng Tế Thự để chữa bệnh cho dân và giao cho thầy thuốc Nguyễn Đại Năng phụ trách.

Đặc biệt, dưới thời nhà Lê (1261) ngoài việc lập ra **Y học huấn khoa** để đào tạo thầy thuốc, chính quyền còn ban hành bộ luật Hồng Đức với những qui định về Y đúc (điều 541), về quản lý vệ sinh thực phẩm (điều 420) và công tác Pháp y trong bộ sách “**Nhân thân kiểm tra nghiệm pháp**”.

### 2.3. Thời Lê Mạc - thời Tây Sơn (1428 - 1802)

Ngoài tác phẩm kinh điển vĩ đại của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác còn có thêm:

- **Nam Dược** của Nguyễn Hoành (Tây Sơn) giới thiệu 500 dược thảo và 130 dược liệu từ khoáng vật và động vật.
- **Liệu dịch phương pháp toàn tập** viết về bệnh truyền nhiễm; **Hộ Nhi phương pháp tổng lục** viết về Nhi khoa và **Lý Am phương pháp thông lục** viết về Phụ khoa của Nguyễn Gia Phan (1784 – 1817).

Cũng trong giai đoạn này Việt Nam, mà cụ thể là xứ Đàng Trong đã có giao lưu kinh tế với các nước trong vùng Đông Nam Á và qua đó chúng ta đã trao đổi Thổ nhân sâm, Ngưu tất, Phục linh, Xuyên sơn giáp, Quy bản, Thuyền thoái ... để nhập Trầm hương, Kỳ nam, Sừng tê giác.

## 3. THỜI CẬN ĐẠI (THẾ KỶ XVII – THẾ KỶ XX SAU CN)

### 3.1. Thời Nguyễn (1802 - 1884)

Quản lý y tế về mặt nhà nước không có gì khác so với thời Lê, về mặt học thuật của y gia Việt Nam vẫn tiếp tục công việc biên tập, trước tác, trong đó có học tập ít nhiều kinh nghiệm của y gia Trung Quốc, cụ thể:

- **Xuân Định y án kinh trị chủ chứng** chuyên về bệnh ôn dịch và thời khí của Lê Kinh Hạp.
- **Thạch nha kinh** bàn về phép xem lưỡi của Dương Khải.

### 3.2. Thời Pháp thuộc (1884 - 1945)

Y học cổ truyền Việt Nam bước vào thế kỷ XX, khi mà triều đình nhà Nguyễn đã ký hiệp ước HARMAND (25/08/1883) biến Việt Nam thành một nước thuộc địa.

Từ năm 1894 - 1906, các Ty lương y đều lần lượt bị giải tán để thay thế bằng bệnh viện hoặc bệnh xá dưới quyền lãnh đạo của thanh tra y tế Đông Dương.

Năm 1920, nhà cầm quyền Pháp hạn chế số người hành nghề Đông y ở Nam bộ không được quá 500 người.

Năm 1943 lại ký nghị định bổ sung nhằm hạn chế hành nghề của giới Đông y bằng cách không cho sử dụng những dược liệu có hoạt tính mạnh như Phụ tử, Ba đậu chế ...

Trong hoàn cảnh khó khăn đó, Hội Y học Trung kỳ (thành lập 14/09/1936) đã mở lớp huấn luyện đào tạo lương y, cùng với Hội Việt Nam Y Dược học ở Bắc kỳ và Hội Y học ở Nam kỳ hợp lực đoàn kết y giới Việt Nam để chấn hưng y học cổ truyền dân tộc và đấu tranh chống chủ trương đàn áp y học cổ truyền của thực dân Pháp.

Trong giai đoạn này, ngoài những tác phẩm y học biên soạn bằng chữ Hán Nôm như:

- Vệ sinh yếu chỉ (1901) của Bùi Văn Trung ở Nam Định.
- Bí truyền tập yếu (1906) của Lê Tư Thúy ở Hà Nam.
- Y thư lược sao (1906) của Vũ Đình Phu.
- Tứ duy tập (1910) của Đỗ Thế Hồ.
- Trung Việt Dược tính hợp biên gồm 1500 vị thuốc của Đinh Nho Chẩn.

Còn có những tài liệu y học viết bằng chữ Quốc ngữ:

- Việt Nam Dược học của Phó Đức Thành.
- Nam Dược bộ của Nguyễn An Cư.
- Y học tùng thư của Nguyễn An Nhân.

Đã góp phần phổ cập và bảo tồn nền y dược cổ truyền trong nhân dân.

### 2.3. Thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đến nay (1945 - nay)

Cách mạng bùng lên, rồi trường kỳ kháng chiến. Ban nghiên cứu Đông y được thành lập ở các Bộ, Sở y tế thuộc Liên khu đã góp phần giải quyết thương tật cho bộ đội và bệnh tật của nhân dân.

Kháng chiến thành công, dưới chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, ngày 12/04/1956 Bộ Y tế ra quyết định thành lập Phòng Đông y trong Vụ Chữa bệnh để chuyên trách nghiên cứu về Đông y. Ngày 03/06/1957, Hội Đông y Việt

Nam được thành lập với mục đích đoàn kết các người hành nghề và nghiên cứu Đông y - Đông dược. Ngày 17/06/1957 Viện Nghiên cứu Đông y được thành lập.

Hơn ai hết, Hồ Chủ tịch là người quan tâm đến vấn đề kết hợp y học hiện đại (YHHD) và y học cổ truyền (YHCT) dân tộc để xây dựng nền y học Việt Nam. Trong bức thư gửi cho Hội nghị Ngành Y tế ngày 27/02/1955 Người viết: “Trong những năm bị nô lệ thì y học của ta cũng như các ngành khác bị kìm hãm. Nay chúng ta đã độc lập tự do, cán bộ cần giúp đồng bào, giúp Chính phủ xây dựng một nền y tế thích hợp với nhu cầu chữa bệnh của nhân dân ta. Y học cũng phải dựa trên nguyên tắc khoa học dân tộc và đại chúng”.

Cũng trong thư Người lại chỉ rõ: “Ông cha ta ngày trước có nhiều kinh nghiệm quý báu về cách chữa bệnh bằng thuốc ta, thuốc Bắc. Để mở rộng phạm vi y học, các cô, các chú cũng nên chú trọng nghiên cứu phổi hợp thuốc Đông và thuốc Tây”.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ III năm 1960, lần thứ IV năm 1976, lần thứ V năm 1982 đã vạch ra:

- Kết hợp giữa YHHD và YHCT để xây dựng nền y học Việt Nam căn cứ vào nghị quyết của Đại hội Đảng, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ra nhiều chỉ thị hướng dẫn ngành y tế thực hiện các nghị quyết của Đại hội Đảng, đặc biệt là năm 1980 Hiến pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã xác định kết hợp YHHD và YHCT là nội dung cơ bản để xây dựng nền YHHD Việt Nam. Bộ Y tế cũng đã ra nhiều thông tư hướng dẫn cụ thể việc thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng, nghị quyết của Hội đồng Chính phủ.
- Hơn 50 năm kiên trì thực hiện đường lối của Đảng và Nhà nước, ngành y tế đã đạt được nhiều thành tích xây dựng nền y học Việt Nam kết hợp YHHD và YHCT của dân tộc trên nhiều mặt: Quan điểm xây dựng ngành, đào tạo cán bộ, nghiên cứu y học về chữa bệnh và thuốc, biên soạn các tài liệu phổ cập và chuyên sâu về YHCT dân tộc.

Kể từ sau ngày Miền Nam được giải phóng, cả 5 trường Đại học Y trong cả nước và Học viện Quân y đều có Bộ môn Y học cổ truyền trong đó có Bộ môn YHCT - Trường Đại Học Y Hà Nội (1961) và Bộ môn YHCT - Trường Đại Học Y được Thành phố Hồ Chí Minh (1976)

Trong giai đoạn YHCT khởi sắc, để phục vụ cho công tác đào tạo theo chủ trương:

**“Phát triển và hoàn thiện hệ thống bảo vệ sức khỏe nhân dân trên cơ sở kết hợp y học, được học hiện đại với y được học cổ truyền”**

Có thể kể ra sau đây một số tác phẩm tiêu biểu như:

**Về mặt thừa kế:**

- Bản dịch: Nam dược thần hiệu - Hồng Nghĩa giác tư y thư - Thập tam phương gia giảm - Hải Thượng y tôn tâm linh - Châm cứu tiệp hiệp diễn ca – Hoạt nhân toát yếu – Hải Thượng huyền thu.
- Thân thế và sự nghiệp của Hải Thượng lãn ông – Tuệ Tĩnh và nền Y học cổ truyền Việt Nam (1975) – Lược sử thuốc Nam và Dược học Tuệ Tĩnh (1990) do Lê Trần Đức biên soạn.

**Về mặt huấn luyện:**

- Những bài giảng của phòng huấn luyện Viện Y học cổ truyền, của các Bộ môn YHCT thuộc trường Đại học Y Hà Nội và Học viện Quân y.
- Châm cứu đơn giản (1960) của Lê Khánh Đồng.
- Phương pháp bào chế Đông dược (1965) của Viện Đông y.
- Dược điển Việt Nam (phần Đông dược) 1983 của Bộ Y tế.
- Châm cứu học của Viện Đông y (1978).

**Về mặt tham khảo - nghiên cứu:**

- Bản dịch Nội kinh (1953), Tử Siêu y thoại (1968) của Nguyễn Trọng Thoát.
- Thuốc Nam châm cứu (1960) của Viện Đông y.
- 450 cây thuốc (1962) của Phó Đức Thành.
- Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (1965) của Đỗ Tất Lợi.
- Tính kháng khuẩn của cây thuốc Việt Nam (1971) của Nguyễn Đức Minh.
- Hướng dẫn chế biến và bào chế thuốc Nam (1972) của Nguyễn Đức Đoàn, Nguyễn Thúy Anh
- Phương pháp dưỡng sinh (1975) của Nguyễn Văn Hưởng.
- Cao đơn hoàn tán (1976) của Hội đồng Đông y.
- Hướng dẫn trồng và sử dụng thuốc Nam, châm cứu (1977) của Vụ Dược chính.
- Khí công (1978) của Hoàng Bảo Châu.
- Xoa bóp dân tộc (1982) của Hoàng Bảo Châu – Trần Quốc Bảo.
- Trồng hái và dùng cây thuốc của Lê Trần Đức (1983 - 1988).
- Bản dịch Nạn kinh (1988) của Đinh Văn Mông.
- Thuyết Thủy Hỏa (1988) của Phó Đức Thành.
- Bản dịch châm tê của Hoàng Bảo Châu.
- Tóm tắt Thương hàn ôn bệnh của Nguyễn Trung Hoà.
- Châm tê của Nguyễn Tài Thu – Trần Quang Đạt - Hoàng Bảo Châu.

- Nhi khoa Đông y của Trần Văn Kỳ.
- Dược lý trị liệu thuốc Nam của Bùi Chí Hiếu.
- Phụ khoa cổ truyền của Nguyễn Ngọc Lâm - Hoàng Bảo Châu.
- Nhĩ châm, Thủy châm, Mai hoa châm của Nguyễn Xuân Quang - Nguyễn Tài Thu.

**Về nghiên cứu y học, dược học phổ cập các phương pháp chữa bệnh YHCT:**

- Đã bước đầu nghiên cứu về lịch sử nền YHCT của dân tộc, phát hiện được 157 vị danh y có trước tác y học, sưu tầm 562 bộ sách thuốc.
- Đã tổng kết bằng các phương pháp YHHĐ việc chữa có hiệu quả các bệnh thông thường hay gặp trong nhân dân và một số bệnh khó chữa, mạn tính như hen phế quản, bệnh về khớp, bệnh tắc động mạch vết thương phần mềm nhiễm khuẩn, gãy xương ...
- Đã nghiên cứu xác định tác dụng dược lý, thành phần hóa học của nhiều vị thuốc có trong nước; đã tổ chức di thực được nhiều vị thuốc xưa nay phải nhập ...; chứng minh nguồn dược liệu phong phú ở nước ta có nhiều khả năng trồng trọt, khai thác phục vụ cho chữa bệnh và xuất khẩu.

**Về chữa bệnh:**

- Mạng lưới y tế từ trung ương đến các cơ sở đều có những tổ, khoa, phòng chuyên chữa bệnh bằng các phương pháp y học dân tộc.
- Ngoài những cơ sở y tế của Nhà nước còn có hàng trăm phòng chẩn trị khắp trong toàn quốc chữa bệnh bằng các phương pháp YHCT. Hàng năm, hàng triệu lượt người bệnh được chữa bệnh ở các cơ sở phòng chẩn trị, góp phần rất tích cực vào công cuộc phục hồi sức khỏe cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta.

**Về công tác sản xuất dược liệu:**

- Trên cơ sở nghiên cứu khoa học đã tổ chức thu hái và trồng trọt sản xuất dược liệu, cải tiến dạng bào chế theo phương pháp công nghiệp nên đã đảm bảo một phần cho nhu cầu chữa bệnh và xuất khẩu. Đặc biệt từ năm 1973 trở lại đây, phong trào trồng và sử dụng thuốc Nam tại các xã, các huyện có nhiều triển vọng đóng góp tích cực vào việc cần kiêm xây dựng đất nước, tự túc một phần thuốc chữa bệnh thông thường ...

*Trong gần 50 năm qua, nhiều công trình nghiên cứu khoa học về y học cổ truyền đã được tổng kết, đã và đang là những yếu tố cơ bản để xây dựng một nền y học Việt Nam mới, góp phần vào việc bảo vệ sức khỏe nhân dân trong công cuộc phát triển sản xuất, xây dựng đất nước phồn vinh.*

## CÂU HỎI ÔN TẬP

### 1. Kinh nghiệm y học của người Việt cổ thể hiện rõ trong việc:

- A. Sử dụng rượu như một dung môi để bào chế dược liệu
- B. Săn sóc các vết thương do chiến tranh
- C. Phòng chống các bệnh do côn trùng hoặc thú dữ xâm hại
- D. Phòng chống các bệnh thời khí và nhiễm trùng, nhiễm độc thức ăn
- E. Biết sử dụng độc dược

### 2. Tác phẩm Hồng nghĩa giác tư y thư - Tuệ Tĩnh là tập hợp của 3 tác phẩm:

- A. Nam dược quốc ngữ phú + Nam dược thần hiệu + Thập tam phương gia giảm
- B. Nam dược quốc ngữ phú + Trực giải chí nam + Thập tam phương gia giảm
- C. Nam dược quốc ngữ phú + Trực giải chí nam + Y truyền chí yếu
- D. Nam dược quốc ngữ phú + Trực giải chí nam + Nhị nhân toát yếu
- E. Nam dược quốc ngữ phú + Nam dược thần hiệu + Bảo anh lương phương

### 3. Bộ luật Hồng Đức với các quy định về y đức, về vệ sinh thực phẩm được công bố dưới triều đại nào?

- A. Đinh
- B. Lê
- C. Lý
- D. Trần
- E. Hậu Lê

### 4. Người thầy thuốc (và cũng là nhà sư) đã chữa bệnh cho Vua Lý Thân Tông là:

- A. Nguyễn Bá Tĩnh
- B. Nguyễn Đại Năng
- C. Nguyễn Minh Không
- D. Nguyễn Trực
- E. Nguyễn Đình Chiểu

### 5. Khoa thi y học đầu tiên ở Việt Nam được tổ chức dưới thời:

- A. Nhà Lê
- B. Nhà Lý

- C. Nhà Trần
- D. Nhà Hô
- E. Nhà Hậu Lê

**6. Tác phẩm y học nào được viết bằng chữ quốc ngữ ở nước ta thời Pháp thuộc?**

- A. Y học toàn thư
- B. Vệ sinh chí yếu
- C. Trung Việt dược tính hợp biên
- D. Y thư lược sao
- E. Bí truyền tập yếu

**7. Để đối phó với chính sách hạn chế Đông y của thực dân Pháp, giới Đông y Việt Nam đã thành lập các hội Đông y để:**

- A. Biểu tình đấu tranh chống công khai
- B. Tham gia vào các hoạt động cách mạng kiến quốc cứu quốc
- C. Mở lớp huấn luyện đào tạo
- D. Biên soạn các tài liệu để truyền bá y học dân gian
- E. Tất cả các câu trên

**8. Năm thành lập hội Đông y Việt Nam:**

- A. 1956
- B. 1957
- C. 1958
- D. 1959
- E. 1960

**9. Tác phẩm nào, của ai đầu tiên bàn đến nguyên tắc “Thanh tâm tiết dục” để sống lâu:**

- A. Hoạt nhân toát yếu - Hoàng Đôn Hòa
- B. Hồng nghĩa giác tư y thư - Nguyễn Bá Tĩnh
- C. Hải Thương y tông tâm linh - Lê Hữu Trác
- D. Bảo sinh diên thọ toàn yếu - Đào Công Chính
- E. Tạ thị chuẩn đích - Tạ Chất Phác

**10. Tác phẩm nào mượn nội dung y học để bày tỏ tâm trạng, nỗi niềm của người ái quốc trước cảnh nước mất nhà tan:**

- A. Châm cứu đại thành
- B. Bảo sinh diên thọ toàn yếu
- C. Y hải cầu nguyên
- D. Ngư tiêu y thuật vấn đáp
- E. Vệ sinh yếu quyết diễn ca

**11. Tác phẩm nào, của ai giới thiệu những kinh nghiệm về chữa bệnh sốt rét và thổ tả:**

- Châm cứu tiệp hiệu diễn ca - Hoàng Đôn Hoà
- Nam dược thần hiệu – Nguyễn Bá Tĩnh
- Hoạt nhân toát yếu - Hoàng Đôn Hoà
- Dư phương tập – Bùi Diệm Đăng
- Văn sách - Trần Đình Nhâm

**12. Cơ sở chữa bệnh cho dân được lập ra đầu tiên dưới triều đại nào ở nước ta:**

- An Tế Đường đời nhà Lý
- Thái Y Thự đời nhà Trần
- Quảng Tế Thự đời nhà Hồ
- Viện Thái Y đời nhà Lê
- Y học Huấn khoa đời nhà Lê

**13. Sách biên soạn dùng cho việc học và thi y học Việt Nam dưới thời Hậu Lê là:**

- A. Châm cứu Đại Thành
- B. Bảo sinh diên thọ toàn yếu
- C. Nam dược bộ
- D. Văn sách
- E. Bảo anh lương phương

**14. Tác phẩm nào, của ai đầu tiên bàn về kinh nghiệm chữa bệnh sởi và đậu mùa ở trẻ em:**

- A. “Hoạt nhân toát yếu” của Hoàng Đôn Hoà
- B. “Mộng trung giác đậu” của Hải Thượng Lãn Ông

- C. “Âu áu tu tri” của Hải Thượng Lãn Ông
- D. “Bảo anh lương phuơng” của Nguyễn Trực
- E. “Tiểu nhi đậu chứng” của Trần Ngô Thiêm

## ĐÁP ÁN

CÂU HỎI	ĐÁP ÁN
1	D
2	E
3	E
4	C
5	E
6	A
7	E

CÂU HỎI	ĐÁP ÁN
8	B
9	B
10	E
11	C
12	C
13	D
14	D